TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tiến;

Ông Nguyễn Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Đội 8, thôn X, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Đội 8, thôn X, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đặng Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 17 tháng 12 năm 2013. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, khác nhau về quan điểm sống. Từ tháng 10-2021 đến nay, chị và anh H đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Chị và anh H có 01 con chung là Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 24 tháng 6 năm 20xx; từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu N vẫn sống với anh H nên chị đề nghị giao cháu N cho anh H trực tiếp nuôi và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con, tài sản chung.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn H trình bày: Anh và chị Đặng Thị T kết hôn với nhau từ năm 2013; trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; anh chị sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, mỗi người ở một nơi. Anh không muốn ly hôn nhưng chị T cố ý muốn ly hôn nên anh đồng ý ly hôn với chị T. Anh chị có một con chung là Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 24 tháng 6 năm 20xx; anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con, tài sản chung.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H, thể hiện: Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại đội 8, thôn X, xã B, huyện Tiên Lãng và hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, khác nhau về quan điểm sống; gia đình đã Nều lần hòa giải mâu thuẫn giữa anh chị nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2021 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh chị có 01 con chung là Phạm Thị Thảo N, hiện đang sống với anh H. Anh H làm công việc lắp đặt cửa cuốn, thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có mặt theo các quyết định của Tòa án, vi phạm khoản 15, khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn anh H. Giao con chung Phạm Thị Thảo N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung do anh chị không yêu cầu. Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; chị T, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thị T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Phạm Văn H tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng. Bị đơn là anh H cư trú tại xã B, huyện Tiên Lãng nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 17 tháng 12 năm 2013 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Chị T và anh H trình bày phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Sau khi kết hôn, anh chị sống chung tại đội 8, thôn X, xã B, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Do vợ chồng mâu thuẫn nên từ cuối năm 2021 đến nay, anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, khác nhau về quan điểm sống. Chị T thừa nhận hôn nhân trên thực tế giữa chị và anh H đã không còn tồn tại, tình cảm chị dành cho anh đã hết nên chị kiên quyết ly hôn; anh H trình bày không muốn ly hôn với chị T nhưng trường hợp chị T cố ý ly hôn thì anh cũng đồng ý.

[5] Căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả xác minh, xét thấy: Chị T và anh H đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh H.

[6] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 24 tháng 6 năm 20xx. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách Nệm như nhau. Để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con; căn

cứ vào điều kiện nuôi con của anh chị, cũng như nguyện vọng của con, thỏa thuận về việc nuôi con khi cha mẹ ly hôn nên cần căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con Phạm Thị Thảo N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Anh H trực tiếp nuôi con chung Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 24 tháng 6 năm 20xx. Việc cấp dưỡng cho con chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 12 tháng 9 năm 2022 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là

300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006271 ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã B, huyện Tiên Lãng;
(Đăng ký kết hôn năm 2013);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng